TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MINH HOÁ
TỈNH QUẢNG BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 64/2019/HNGĐ- ST
Ngày: 23/10/2019
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MINH HOÁ, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Đinh Lâm Xướng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Đinh Minh Tặng

Ông: Trương Ngọc Nhân

- Thư ký phiên toà: Bà Vũ Thị Hà – Thư ký Toà án nhân dân huyện Minh Hoá, tỉnh Quảng Bình.

***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Minh Hóa tham gia phiên tòa*:** Ông Đinh Trần Trung Hiếu – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 10 năm 2019 tại Toà án nhân dân huyện Minh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 63/2018/TLST - HNGĐ ngày 02/10/2018 về việc " Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 22/01/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh C V Đ

Trú tại: Thôn T L 1, xã T H, huyện M H, tỉnh Q B. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị C T T

Trú tại: Thôn T L 1, xã T H, huyện M H, tỉnh Q B. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/10/2018 và bản tự khai ngày 02/10/2018 của nguyên đơn C V Đ trình bày giữa anh và chị C T T đã đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã T H, huyện M H, tỉnh Q B trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc và đã sinh được 02 người con. Sau đó hai vợ

chồng phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi nhau gây mất đoàn kết gia đình, hiện nay tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy anh Đ làm đơn yêu cầu Toà án giải quyết việc ly hôn cho anh.

Con chung của vợ chồng: Hai vợ chồng có 02 người con chung là cháu C T L N sinh ngày 05/3/2009 và cháu C T T M sinh ngày 01/10/2012. Sau khi ly hôn nguyện vọng của anh Đ là được nuôi dưỡng cháu N và cháu M. Anh Đ yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu 500.000 đ/ tháng.

Tài sản chung : Gồm có một mảnh đất tại T T H diện tích 120 m^2 đã chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người khác trị giá 260.000.000đ; một ngôi nhà gỗ tại thôn T L 1, xã T H, huyện M H, tỉnh Q B trị giá 79.088.000đ và hàng rào trị giá 26.028.000đ; tiền gửi tiết kiệm tại ngân hàng N huyện M H 100.000.000đ nhưng số tiền này anh đã rút ra sử dụng vào việc tu sửa nhà cửa và nuôi con cái ăn học trong thời gian chị T đi làm ăn xa nên không còn nữa. Tổng giá trị tài sản là 365.296.000đ. Vì đây là tài sản chung của cả bố mẹ đẻ anh Đ và vợ chồng anh nên anh yêu cầu chia làm 04 phần.

Khoản vay chung: Vay ngân hàng N huyện M H 100 triệu đồng, vay ngân hàng C huyện M H 50 triệu đồng. Anh Đ yêu cầu anh và chị T cùng chịu trách nhiệm trả khoản vay này.

Tại phiên hòa giải ngày 03/12/2018 và tại phiên tòa hôm nay chị C T T trình bày: Quá trình tìm hiểu để đi đến kết hôn chị nhất trí như ý kiến trình bày của anh Đ. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không thể hàn gắn mối quan hệ được nữa nên chị cũng nhất trí ly hôn. Giữa chị và anh Đ có 02 người con chung là cháu C T L N sinh ngày 05/3/2009 và cháu C T T M sinh ngày 01/10/2012. Sau khi ly hôn nguyện vọng của chị là được nuôi dưỡng các con.

Tài sản chung: Gồm có một mảnh đất tại T T H diện tích 120 m^2 trị giá 260.000.000đ; một ngôi nhà gỗ tại thôn T L 1, xã T H, huyện M H, tỉnh Q B trị giá 79.088.000đ và hàng rào trị giá 26.028.000đ; một sổ tiền gửi tiết kiệm trị giá 100 triệu đồng gửi tại ngân hàng N huyện M H. Khoản vay chung: Vay ngân hàng N huyện M H 100 triệu đồng, vay ngân hàng C huyện M H 50 triệu đồng. Yêu cầu của chị T là anh Đ chịu trách nhiệm trả số tiền vay này, sau khi trừ đi số tiền vay giá trị tài sản chung của vợ chồng còn lại bao nhiêu thì chia cho chị được hưởng một phần hai trị giá số tài sản chung này.

Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa đã tiến hành hòa giải nhiều lần, phân tích những mâu thuẫn của vợ chồng để mỗi bên tự khắc phục sửa chữa cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng không có kết quả. Tại phiên tòa anh Đ và chị T một mực xin được ly hôn vì tình cảm vợ chồng thực sự không còn nữa.

Đại diện VKSND huyện Minh Hóa phát biểu ý kiến về tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Toà án: Thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định của Bộ

luật tố tụng dân sự, nguyên đơn và bị đơn chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình.

Quan điểm giải quyết của VKSND huyện Minh Hóa: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh C V Đ và chị C T T.

Áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình xử giao anh C V Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu C T L N sinh ngày 05/3/2009, xử giao chị C T T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu C T T M sinh ngày 01/10/2012. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung của anh Đ và chị T gồm có một mảnh đất tại T T H diện tích 120 m^2 trị giá 260.000.000đ; một ngôi nhà gỗ tại thôn T T L 1, xã T H, huyện M H, tỉnh Q B trị giá 79.088.000đ và hàng rào trị giá 26.028.000đ, tổng giá trị tài sản chung là 365.116.000đ. Khoản vay chung: Vay ngân hàng N huyện M H 100 triệu đồng, vay ngân hàng C huyện M H 50 triệu đồng, tổng giá trị khoản vay chung là 150.000.000đ.

Về số tiền 100 triệu đồng gửi tại ngân hàng N huyện M H, ngày 27/9/2019 ngân hàng N chi nhánh B Q B đã có công văn gửi Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa cung cấp thông tin hiện anh C V Đ không có tài khoản gửi tiết kiệm tại ngân hàng N chi nhánh B Q B, do không có cơ sở để xem xét nên đề nghị hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của chị T về số tiền gửi tiết kiệm.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điều 37, 59 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên xử giao anh C V Đ được quyền sở hữu một ngôi nhà gỗ và hàng rào tại thôn T L 1, xã T H, huyện M H, tỉnh Q B. Anh C V Đ chịu trách nhiệm trả khoản vay tại ngân hàng N huyện M H 100 triệu đồng, vay ngân hàng C huyện M H 50 triệu đồng. Giá trị tài sản chung còn lại sau khi thực hiện nghĩa vụ trả nợ là 365.116.000đ – 150.000.000đ = 215.116.000đ, anh Đ có nghĩa vụ trả lại cho chị T ½ số tiền được hưởng từ tài sản chung của vợ chồng là 107.558.000đ. Anh C V Đ và chị C T T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh C V Đ và chị C T T đã đăng ký kết hôn năm 2008 tại Ủy ban nhân dân xã T H, huyện M H, tỉnh Q B trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc nên coi đây là cuộc hôn nhân hợp pháp nhưng do anh chị không thông cảm cho nhau, thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống mà hai bên không khắc phục được dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng. Xét thấy nguyện vọng

của hai bên là hoàn toàn chính đáng vì mâu thuẫn vợ chồng không thể khắc phục được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận việc tự nguyện thỏa thuận ly hôn của anh Đ và chị T. Vì vậy cần áp dụng Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình để công nhận việc thuận tình ly hôn giữa anh C V Đ và chị C T T là hoàn toàn có căn cứ hợp lý.

[2] Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử giao anh C V Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu C T L N sinh ngày 05/3/2009, xử giao chị C T T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu C T T M sinh ngày 01/10/2012. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Tài sản chung: Anh Đ và chị T đều thống nhất tài sản chung gồm có một mảnh đất tại T T H trị giá 260 triệu đồng; một ngôi nhà gỗ tại thôn T L 1, xã T H, huyện M H, tỉnh Q B trị giá trị giá 79.088.000đ và hàng rào trị giá 26.028.000đ, tổng giá trị tài sản chung là 365.116.000đ; một sổ tiền gửi tiết kiệm trị giá 100 triệu đồng gửi tại ngân hàng N huyện M H.

Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa đã tiến hành xác minh tài sản là một mảnh đất tại Thừa Thiên Huế diện tích 120 m^2, hiện nay anh C V Đ đã chuyển nhượng quyền sử dụng mảnh đất này với giá trị là 260 triệu đồng.

Ngày 03/7/2019 Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và thành lập Hội đồng định giá tài sản định giá ngôi nhà gỗ tại thôn T L 1, xã T H, huyện M H, tỉnh Q B trị giá 105.116.000đ.

Về số tiền 100 triệu đồng gửi tại ngân hàng N huyện M H, ngày 27/9/2019 ngân hàng N chi nhánh B Q B đã có công văn gửi Tòa án nhân dân huyện Minh Hóa cung cấp thông tin hiện anh C V Đ không có tài khoản gửi tiết kiệm tại ngân hàng N chi nhánh B Q B. Anh C V Đ cũng kê khai số tiền này anh đã rút ra sử dụng vào việc tu sửa nhà cửa và nuôi con cái ăn học trong thời gian chị Thu đi làm ăn xa nên không còn nữa. Vì vậy không có cơ sở nên không xem xét .

Số tài sản còn lại gồm: một mảnh đất tại T T H trị giá 260 triệu đồng (đã chuyển nhượng); một ngôi nhà gỗ và hàng rào tại thôn T L 1, xã T H, huyện M H, tỉnh Q B trị giá 105.296.000đ. Tổng giá trị tài sản là 365.116.000đ.

Anh Đ và chị T đều thống nhất hai vợ chồng vay ngân hàng N huyện M H 100 triệu đồng, vay ngân hàng C huyện M H 50 triệu đồng. Hội đồng xét xử nhận định anh Đ và chị T có khoản vay chung là 150.000.000đ, như vậy nên giao cho anh Đ chịu trách nhiệm trả khoản vay này. Ngoài ra anh Đ một mình nuôi con trong thời gian anh Đ và chị T ly thân từ tháng 11/2017 đến tháng 10/2019 là 22 tháng, do đó cần buộc chị T trả lại cho anh Đ số tiền 1.500.000đ/1 tháng x 22 tháng = 33.000.000đ . Giá trị số tài sản chung còn lại là 182.116.000đ, anh Đ và chị T mỗi người được hưởng ½ giá trị số tài sản này là 91.058.000đ.

Do đó cần tuyên xử anh C V Đ được quyền sở hữu một ngôi nhà gỗ và hàng rào tại thôn T L 1, xã T H, huyện M H, tỉnh Q B. Anh C V Đ chịu trách nhiệm trả

khoản vay tại ngân hàng N huyện M H 100 triệu đồng, vay ngân hàng C huyện M H 50 triệu đồng. Anh Đ có nghĩa vụ trả lại cho chị T số tiền 91.058.000đ

[4] Án phí: Anh C V Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 4.552.900 đồng (Bốn triệu năm trăm năm mươi hai nghìn chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Đ đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004067 ngày 02/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Anh Đ còn phải nộp 4.552.900 đ án phí.

Chị C T T phải chịu 4.552.900 đồng (Bốn triệu năm trăm năm mươi hai nghìn chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 37, 55, 59, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh C V Đ và chị C T T.

2. Về con chung: Xử giao anh C V Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu C T L N sinh ngày 05/3/2009, xử giao chị C T T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung là cháu C T T M sinh ngày 01/10/2012. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

Không ai được ngăn cản việc đi lại chăm sóc con chung, khi cần thiết vì quyền lợi của con một trong hai bên có quyền làm đơn yêu cầu Toà án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản chung và khoản vay chung:

Xử giao anh C V Đ được quyền sở hữu một ngôi nhà gỗ và hàng rào tại thôn T L 1, xã T H, huyện M H, tỉnh Q B. Anh C V Đ chịu trách nhiệm trả khoản vay tại ngân hàng N huyện M H 100 triệu đồng, vay ngân hàng C huyện M H 50 triệu đồng. Anh Đ có nghĩa vụ trả lại cho chị T số tiền 91.058.000đ

4. Về án phí: Anh C V Đ phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn và 4.552.900 đồng (Bốn triệu năm trăm năm mươi hai nghìn chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà anh Đ đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0004067 ngày 02/10/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Minh Hóa. Anh Đ còn phải nộp 4.552.900đ án phí.

Chị C T T phải chịu 4.552.900 đồng (Bốn triệu năm trăm năm mươi hai nghìn chín trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi

hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trường hợp bên phải thi hành án do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán quy định tại Khoản 2 Điều 357 bộ luật Dân sự mà không có thỏa thuận lãi suất thì thực theo quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự được xác định mức lãi suất bằng 50% mức lãi suất quá hạn quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự để trả cho bên được thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn. Tuyên bố nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/10/2019), để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Bình;
- VKSND huyện Minh Hoá;
- Chi cục THADS huyện Minh Hoá;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;
- UBND xã T H;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Đinh Lâm Xướng